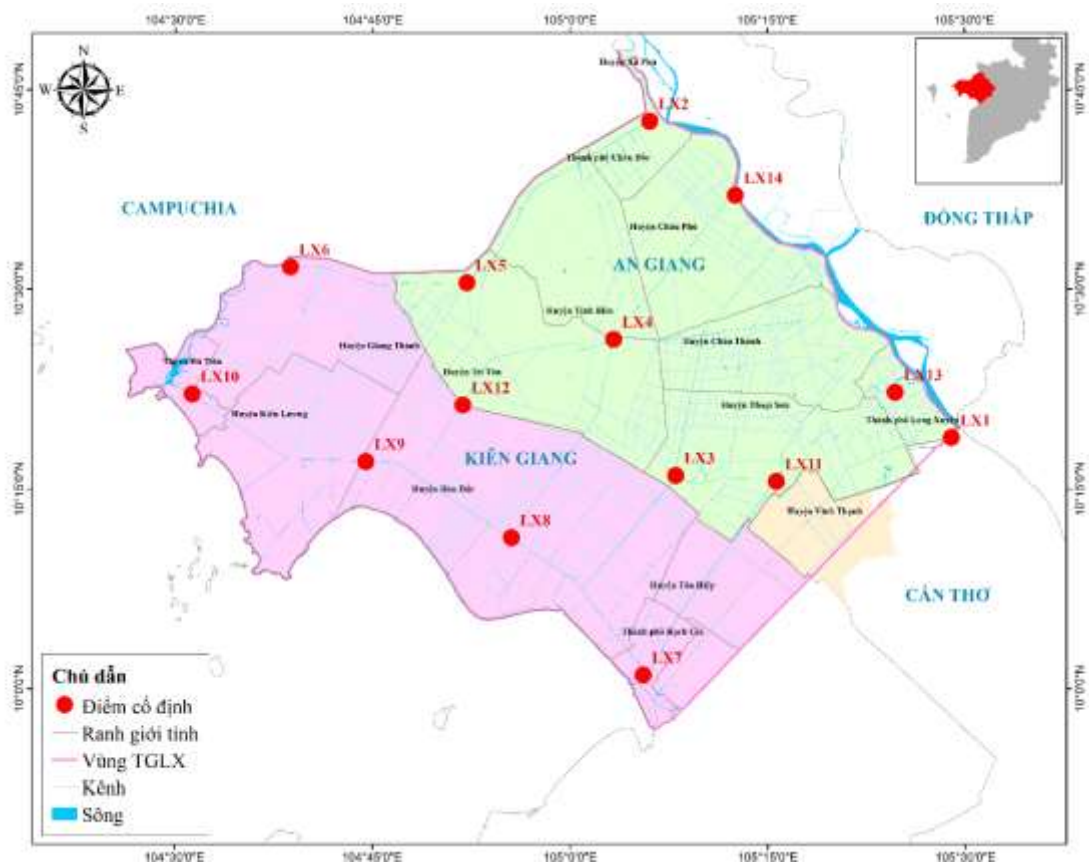


BẢN TIN TUẦN KỲ 5

“Đợt đo ngày 14/03/2025, dự báo từ ngày 22/03÷28/03/2025”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 14/03/2025

Nhiệm vụ quan trắc tại 14 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 14/03/2025)

Bảng 1: Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 14 vị trí giám sát

TT	Vị trí thu mẫu	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	Tổng Nito (TN)	Tổng Phosphor (TP)	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	(Kí hiệu)		‰	mg/l		mgO ₂ /l		mg/l		MPN/100ml		
	QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, mức B)	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15	≤ 1,5	≤ 0,3	≤5.000		
1	Đầu kênh Cái Sắn phía sông Hậu (LX1)	7,47	0,1	16,45	5,82	10,5	20,5	1,52	0,12	3600	75	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
2	Đầu kênh Vĩnh Tế phía sông Hậu (LX2)	7,55	0,1	50,10	5,26	8,2	14,6	0,86	0,09	950	80	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
3	Giao của kênh Ba Thê và kênh Ba Thê mới (LX3)	7,38	0,1	68,42	5,43	7,1	13,4	0,75	0,11	3400	80	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
4	Giao của kênh Tri Tôn, Trà Sư và Mạc Cần Dung (LX4)	7,39	0,1	72,00	5,60	7,5	15,2	0,90	0,15	8400	60	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
5	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh T5 (LX5)	7,32	0,1	91,26	5,42	8,5	16,2	1,35	0,23	4100	75	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
6	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh Hà Giang (LX6)	7,38	0,3	20,80	5,30	10,2	18,6	1,85	0,14	6900	63	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 14/03/2025)

												lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
7	Tp, Rạch Giá, cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên (LX7)	7,39	0,1	46,08	4,52	6,4	12,4	0,67	0,20	720	82	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
8	Giao giữa kênh Tri Tôn và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX8)	7,02	0,1	94,10	5,62	9,2	16,5	1,54	0,12	5400	71	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
9	Giao giữa kênh T5 và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX9)	6,81	0,1	30,18	5,05	8,4	14,7	1,85	0,09	4800	73	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
10	Giao giữa kênh Hà Giang và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (Cầu Hà Giang) (LX10)	7,96	23,3	12,66	5,73	7,1	13,8	1,35	0,08	2700	83	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”. Đây là khu vực nuôi tôm nước lợ, giá trị độ mặn vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp để lấy nước vào các vuông tôm (7-25‰).
11	Giao giữa kênh Ba Thê Mới và Kênh Rạch Giá Long Xuyên (LX11)	7,43	0,1	108,20	5,59	8,6	16,7	1,27	0,13	3600	77	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
12	Giao của kênh Tám Ngàn và kênh ranh An Giang-Kiên Giang (LX12)	7,33	0,1	165,07	4,69	15,2	24,5	2,85	0,15	11000	32	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
13	Đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên từ sông Hậu vào (LX13)	7,54	0,1	7,88	5,28	9,5	15,8	0,67	0,17	640	79	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 14/03/2025)

14	Đầu kênh Vĩnh Tre phía sông Hậu (LX14)	7,42	0,1	69,30	4,48	17,4	30,7	4,82	0,26	24000	30	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
----	--	------	-----	-------	-------------	-------------	-------------	-------------	------	--------------	-----------	---

Nhận xét chung: Qua đợt quan trắc ngày 14/03/2025 cho thấy: Các thông số môi trường nước như pH, TSS, DO, tổng Nito, tổng Phosphor và Coliform tại hầu hết các trạm giám sát trong hệ thống CTTL TGLX đều đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT.

- Chỉ tiêu BOD₅, COD tại hầu hết các trạm không đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT, cho thấy khu vực này đang bị ô nhiễm hữu cơ khá cao, điều này có thể gây ra sự giảm nồng độ Oxy, ảnh hưởng đến sự sống của các sinh vật thủy sinh và toàn bộ hệ sinh thái thủy sinh, suy giảm khả năng tự làm sạch của thủy vực.

- Các điểm LX12 và LX14 có giá trị WQI giảm mạnh ở mức “**Kém**” là do hai điểm này có một số chỉ tiêu không đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT, trong đó chỉ tiêu BOD₅ và Coliform có giá trị vượt giới hạn mức B từ 2 – 5 lần là nguyên nhân chính. Đây là các trạm nằm ở khu vực gần chợ, dân cư tập trung đông đúc, hoạt động giao thông thủy thường xuyên, nguồn nước thải sinh hoạt đổ trực tiếp ra kênh rạch chính là nguyên nhân làm tăng hàm lượng BOD₅ và Coliform trong nước.

Vì vậy: Cần tiếp tục theo dõi và có các biện pháp khơi thông dòng chảy để giảm thiểu tích tụ các chất ô nhiễm, tăng khả năng tự làm sạch của môi trường nước. Tại các trạm ghi nhận hàm lượng Coliform cao không sử dụng nguồn nước này để tưới các loại rau ăn lá.

Ghi chú: Các giá trị in đậm là giá trị vượt ngưỡng cho phép.

Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

2. Dự báo chất lượng nước ngày 22/03÷28/03/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, tổng Nitơ (TN) từ ngày 22/03÷28/03/2025 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 22/03÷28/03/2025 dao động trong khoảng 0,00÷26,68‰; độ mặn được dự báo có xu hướng giảm tại hầu hết các điểm giám sát so với giá trị thực đo ngày 14/03/2025 (Bảng 2).

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 22/03÷28/03/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							(‰)	
		22/03	23/03	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,10	0,02	0,07	0,01	0,10	0,04	0,01	0,01	0,10
	LX2	0,02	0,07	0,03	0,01	0,00	0,10	0,06	0,00	0,10
	LX13	0,10	0,04	0,06	0,03	0,09	0,07	0,00	0,00	0,10
	LX14	0,04	0,07	0,07	0,07	0,10	0,07	0,09	0,04	0,10
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0,08	0,00	0,09	0,02	0,03	0,06	0,10	0,00	0,10
	LX4	0,04	0,05	0,08	0,09	0,01	0,05	0,08	0,01	0,09
	LX5	0,05	0,05	0,02	0,02	0,03	0,07	0,06	0,02	0,07
	LX6	0,09	0,06	0,10	0,02	0,08	0,02	0,01	0,01	0,10
	LX11	0,06	0,07	0,00	0,08	0,07	0,00	0,06	0,00	0,08
Phía ven biển Tây	LX12	0,07	0,04	0,07	0,05	0,02	0,07	0,08	0,02	0,08
	LX7	0,00	0,07	0,01	0,02	0,09	0,00	0,03	0,00	0,09
	LX8	0,04	0,08	0,02	0,06	0,07	0,09	0,05	0,02	0,09
	LX9	0,04	0,06	0,04	0,06	0,00	0,02	0,06	0,00	0,06
	LX10	23,27	22,71	26,68	25,83	24,73	24,19	23,89	22,71	26,68
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					
Khuyến cáo		- Từ ngày 22/03÷28/03/2025, nguồn nước khu vực canh tác lúa không bị nhiễm mặn, sử dụng tốt để tưới tiêu cho lúa và hoa màu. - Độ mặn tại điểm LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) có độ mặn được dự báo có tăng nhẹ nhưng hầu hết vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp để nuôi tôm nước lợ (7-25‰) nên bà con yên tâm để lấy nước vào các ruộng tôm.								

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Giá trị DO dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 4,37÷6,22 mg/l, giá trị DO dự báo có xu hướng tăng tại phần lớn các điểm giám sát so với giá trị thực đo ngày 14/03/2025 (Bảng 3).

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 22/03÷28/03/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		22/03	23/03	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	5,50	5,50	5,48	5,47	5,45	5,47	5,52	5,45	5,52
	LX2	5,03	4,97	4,79	4,38	4,79	5,57	6,06	4,38	6,06
	LX13	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98
	LX14	4,51	4,47	4,43	4,42	4,47	4,48	4,37	4,37	4,51
Khu vực	LX3	5,97	5,95	5,97	5,97	5,97	5,97	5,97	5,95	5,97

giữa nội đồng	LX4	5,56	5,60	5,62	5,59	5,60	5,62	5,61	5,56	5,62
	LX5	4,60	4,61	4,62	4,75	4,83	4,80	4,73	4,60	4,83
	LX6	5,26	5,23	5,20	5,15	5,10	5,08	5,10	5,08	5,26
	LX11	5,55	5,60	5,64	5,67	5,68	5,67	5,64	5,55	5,68
	LX12	5,05	5,06	5,03	5,02	5,05	5,01	4,90	4,90	5,06
Phía ven biển Tây	LX7	4,69	4,70	4,71	4,75	4,76	4,72	4,62	4,62	4,76
	LX8	5,44	5,43	5,44	5,49	5,51	5,54	5,67	5,43	5,67
	LX9	5,55	5,58	5,62	5,63	5,61	5,56	5,51	5,51	5,63
	LX10	6,08	6,13	6,16	6,18	6,19	6,20	6,22	6,08	6,22
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≥ 6			Đạt mức B: ≥ 5			Không đạt mức B: < 5		
Khuyến cáo		- Từ ngày 22/03÷28/03/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị oxy hòa tan dự báo tại hầu hết các điểm giám sát đều đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT nên đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. Riêng điểm LX5, LX7 và LX14 có giá trị oxy hòa tan khá thấp nên người dân cần lưu có các biện pháp tăng lượng oxy hoà tan trong nước khi nuôi trồng thủy sản.								

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 7,42÷17,02 mg/l, giá trị BOD₅ dự báo có xu hướng tăng tại phần lớn các điểm giám sát (12/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 14/03/2025 với biên độ dao động ở mức thấp (Bảng 4).

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 22/03÷28/03/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		22/03	23/03	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	11,58	11,57	11,30	11,12	10,97	10,80	10,98	10,80	11,58
	LX2	10,64	9,78	9,47	10,12	11,49	12,23	12,06	9,47	12,23
	LX13	9,20	9,34	9,45	9,48	9,45	9,31	8,96	8,96	9,48
	LX14	16,26	17,02	16,31	15,55	15,00	14,57	14,24	14,24	17,02
Khu vực giữa nội đồng	LX3	7,75	7,87	7,92	7,86	7,72	7,65	7,72	7,65	7,92
	LX4	8,89	8,57	8,55	8,95	9,23	9,31	9,28	8,55	9,31
	LX5	9,03	9,17	9,23	9,35	9,30	9,43	9,50	9,03	9,50
	LX6	10,52	10,59	10,47	10,78	11,53	12,05	12,10	10,47	12,10
	LX11	8,77	8,82	8,88	8,95	8,96	8,95	8,98	8,77	8,98
Phía ven biển Tây	LX12	15,75	16,24	16,24	15,54	14,81	14,20	13,71	13,71	16,24
	LX7	8,05	7,44	7,42	9,16	11,81	11,56	10,54	7,42	11,81
	LX8	10,60	11,93	12,84	12,93	12,69	12,43	12,19	10,60	12,93
	LX9	10,81	10,82	10,87	10,94	11,01	11,09	11,16	10,81	11,16
LX10	7,57	7,57	7,56	7,56	7,56	7,56	7,56	7,56	7,56	
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≤ 4			Đạt mức B: ≤ 6			Không đạt mức B: > 6		
Khuyến cáo		- Từ ngày 22/03÷28/03/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị Oxy sinh hóa dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều không đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT cho thấy khu vực khảo sát tiếp tục có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ khá cao.								

2.4. Tổng Nito (TN)

Giá trị tổng Nito dự báo dao động trong khoảng từ 0,64÷3,85 mg/l, giá trị tổng Nito dự báo có xu hướng giảm tại nhiều điểm giám sát (8/14 điểm) so với giá trị thực

đo ngày 14/03/2025 (Bảng 5).

Bảng 5: Giá trị dự báo tổng Nitơ tại các điểm giám sát từ 22/03÷28/03/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		22/03	23/03	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,96	0,95	0,93	0,93	0,92	0,92	0,92	0,92	0,96
	LX2	0,91	0,93	0,96	0,97	1,01	1,07	1,09	0,91	1,09
	LX13	0,71	0,77	0,75	0,70	0,67	0,65	0,64	0,64	0,77
	LX14	3,85	3,26	2,58	2,34	2,31	2,40	2,57	2,31	3,85
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0,88	0,88	0,89	0,91	0,92	0,93	0,96	0,88	0,96
	LX4	1,60	1,66	1,70	1,72	1,68	1,51	1,24	1,24	1,72
	LX5	0,82	0,86	0,92	0,98	1,02	0,99	0,93	0,82	1,02
	LX6	0,87	0,86	0,87	0,90	0,95	1,00	1,05	0,86	1,05
	LX11	1,11	1,10	1,06	1,02	0,98	0,97	0,93	0,93	1,11
Phía ven biển Tây	LX12	2,06	2,15	2,24	2,28	2,29	2,26	2,23	2,06	2,29
	LX7	0,90	0,88	0,85	0,85	0,88	0,87	0,84	0,84	0,90
	LX8	1,12	1,12	1,11	1,13	1,16	1,16	1,09	1,09	1,16
	LX9	1,15	1,14	1,12	1,11	1,10	1,12	1,18	1,10	1,18
	LX10	1,82	1,85	1,94	2,06	2,17	2,17	2,15	1,82	2,17
QCVN08:2023		Đạt mức A: $\leq 0,6$			Đạt mức B: $\leq 1,5$			Không đạt mức B: $>1,5$		
Khuyến cáo		- Từ ngày 22/03÷28/03/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị tổng Nitơ (TN) dự báo tại phần lớn các điểm giám sát đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT nên người dân vẫn có thể yên tâm lấy nước cho mục đích tưới tiêu và hoạt động tương đương khác. - Riêng các điểm LX10, LX12, LX14 cần lưu ý chỉ tiêu tổng Nitơ có giá trị dự báo vượt quá quy chuẩn cho phép của cột B trong nhiều ngày.								

Khuyến cáo chung:

Trong tuần từ 22/03÷28/03/2025, chất lượng nước trong hệ thống CTTL Tứ Giác Long Xuyên dự báo có xu hướng tốt hơn ở phần lớn các thông số (Độ mặn, DO, tổng Nitơ), các giá trị dự báo hầu hết nằm trong giới hạn cho phép để phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. Thông số BOD₅ được dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều không đạt mức B, cho thấy khu vực khảo sát tiếp tục có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ khá cao. Điểm LX10 (khu vực nuôi tôm nước lợ), độ mặn dự báo vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp của nuôi tôm nên bà con yên tâm để lấy nước vào các vuông tôm. Riêng điểm LX14 có các chỉ tiêu DO, tổng Nitơ và BOD₅ được dự báo vượt ngưỡng cho phép trong những ngày tới nên người dân khu vực này cần kiểm tra và có biện pháp xử lý trước khi sử dụng nguồn nước.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Kiên Giang, An Giang;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB



Phạm Văn Tùng